

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN BIÊN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 24-3-2022

V/v tranh chấp

hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Cao Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;

2. Ông Trần Hữu Nghĩa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST-DS, ngày 25 tháng 2 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022; Thông báo thay đổi ngày, giờ xét xử số 03/TB-TA ngày 08 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 18/3/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ 10, ấp TT, xã T, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1963 và ông Vũ Văn P, sinh năm: 1964; cùng nơi cư trú: Tổ 10, ấp TT, xã T, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; bà S, ông P có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 2 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn P cùng phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền tổng cộng 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng thông qua 02 giấy tay mượn tiền: “Giấy tay mượn nợ đề ngày 19.4. trước 2020 âm lịch”, nội dung: bà S có mượn của bà L số tiền 60 triệu đồng để mua mủ đất và mở quán ăn hủ tiếu, bún riêu tại nhà và “Giấy tay mượn nợ đề ngày 25.4. sao 2020

âm lịch”, nội dung: vợ chồng bà S, ông P có mượn của bà L số tiền 10 triệu đồng để mua mủ đất có dấu lấn tay của bà S và ông Phúc. Dấu lấn tay của ông P là do bà S lấn thay, do lúc đó ông P không có mặt (do năm 2020 có 02 tháng 4 âm lịch nên bà ghi trong giấy mượn tiền là trước và sau 2020 âm lịch). Mục đích bà S mượn tiền đúng như theo nội dung trong 02 giấy mượn mà bà đã cung cấp cho Tòa án.

Khi cho mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất vì chủ yếu là bà muốn giúp cho vợ chồng bà S, ông P có nguồn vốn để làm ăn, sau này nếu trả tiền gốc sẽ tính lãi sau vì là hàng xóm gần nhà nhau. Chữ viết trong Giấy tay mượn nợ là do bà viết, bà S chỉ lấn tay vào 02 giấy mượn tiền. Bà giao tiền 02 lần trực tiếp cho bà S tại nhà bà.

Nay bà L yêu cầu vợ chồng bà S và ông P phải trả cho bà số tiền tổng cộng 70 triệu đồng theo như 02 giấy mượn tiền mà bà đã cung cấp cho Tòa án và đã có kết quả giám định của cơ quan có thẩm quyền, yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:*

Bà không có bà con hay họ hàng gì bà L. Bà chỉ biết bà L do bà L ở gần nhà và trước đây bà có chơi hội do bà L làm chủ thảo. Sau khi được Tòa án thông báo cho bà biết yêu cầu khởi kiện của bà L bà có ý kiến như sau:

Đối với “Giấy tay mượn nợ đề ngày 19.4. trước 2020 âm lịch”, nội dung: bà S có mượn của bà L số tiền 60 triệu đồng để mua mủ đất và mở quán ăn hủ tiếu, bún riêu tại nhà do bà L cung cấp, bà S xác định: Giấy tay mượn nợ nói trên không phải là do bà viết do bà không biết chữ, dấu lấn tay trong Giấy tay mượn nợ cũng không phải là dấu vân tay của bà. Giấy nợ nói trên là giả mạo.

Đối với “Giấy tay mượn nợ đề ngày 25.4. sau 2020 âm lịch”, nội dung: vợ chồng bà S, ông P có mượn của bà L số tiền 10 triệu đồng để mua mủ đất do bà L cung cấp, bà S xác định: Vợ chồng bà chưa bao giờ làm nghề mua mủ đất, số tiền 10 triệu này là tiền hội chết bà còn nợ bà L 10 kỳ tương ứng 10 triệu, đã trả được 1,5 triệu, còn nợ lại 8,5 triệu, bà không có giấy tờ chứng minh việc đã trả được 1,5 triệu cho bà L, cũng như không có giấy tờ chứng minh việc chơi hội với bà L. Do bà không biết chữ nên bà L nói bà lấn tay vào giấy với nội dung mượn 10 triệu đồng để mua mủ đất chứ thực sự tiền này là tiền nợ hội chết của bà L.

Nay bà và chồng là ông P chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 8,5 triệu đồng theo như “Giấy tay mượn nợ đề ngày 25.4. sau 2020 âm lịch”. Ngoài ra không chấp nhận bất cứ yêu cầu nào khác của bà L.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 11 năm 2021 bị đơn ông Vũ Văn P trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị S là vợ chồng, ông và bà S không có vay mượn của bà L bất cứ khoản tiền nào. Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà S

chỉ còn nợ bà L số tiền 8,5 triệu đồng là tiền hụi chết theo như “Giấy tay mượn nợ đề ngày 25.4. sao 2020 âm lịch”, đồng ý trả cho bà L số tiền nói trên, ngoài ra không còn nợ bà L khoản tiền nào khác.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà S và ông P phải trả cho bà số tiền tổng cộng 70 triệu đồng theo như 02 giấy mượn tiền mà bà đã cung cấp cho Tòa án. Đối với yêu cầu tính lãi, để thuận lợi cho việc tính tiền lãi bà có ý kiến như sau:

Đối với “Giấy tay mượn nợ đề ngày 19.4. trước 2020 âm lịch” tức ngày 11/5/2020 dương lịch bà đồng ý tính lãi đến ngày 11/3/2022, làm tròn 22 tháng.

Đối với “Giấy tay mượn nợ đề ngày 25.4. sao 2020 âm lịch” tức ngày 16/6/2020 dương lịch, bà đồng ý tính lãi đến ngày 16/3/2022, làm tròn 21 tháng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn P chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 8,5 triệu đồng theo như “Giấy tay mượn nợ đề ngày 25.4. sao 2020 âm lịch”. Ngoài ra không chấp nhận bất cứ yêu cầu nào khác của bà L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L:

Buộc bà Nguyễn Thị S, ông Vũ Văn P phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bà S và ông P phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:*

[1] Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn P có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay 70.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L cung cấp 02 giấy tay mượn tiền: “Giấy tay mượn nợ đề ngày 19.4. trước 2020 âm lịch”, nội dung: bà S có mượn của bà L số tiền 60 triệu đồng để mua mủ đất và mở quán ăn hủ tiếu, bún riêu tại nhà và “Giấy tay mượn nợ đề ngày 25.4. sao 2020 âm lịch”, nội dung: vợ chồng bà S, ông P có mượn của bà L số tiền 10 triệu đồng để mua mủ đất có dấu lặn tay của bà S và ông Phúc, bà S cho rằng dấu lặn tay của ông Plà do bà S lặn thay do lúc đó ông P không có mặt.

Tại phiên tòa, bà S, ông P thừa nhận ông bà có mối quan hệ vợ chồng, vẫn sống chung nhà với nhau. Về nội dung khởi kiện của bà L: vợ chồng ông bà chỉ thừa nhận còn nợ bà L số tiền 8,5 triệu đồng là tiền hụi chết theo như “Giấy tay mượn nợ đề ngày 25.4. sao 2020 âm lịch”, đồng ý trả cho bà L số tiền nói trên, ngoài ra không còn nợ bà L khoản tiền nào khác. Bà S cho rằng dấu vân tay của bà S trong 02 giấy tay mượn tiền nói trên là giả mạo.

[2] Xét lời trình bày của bà S, ông P thấy rằng: Bà S, ông P cho rằng chỉ nợ bà L số tiền 10 triệu đồng là tiền hụi chết, bà S đã trả được cho bà L số tiền 1,5 triệu đồng nhưng bà S không có giấy tờ chứng minh việc đã trả được 1,5 triệu đồng tiền hụi chết cho bà L, cũng như không có bất cứ giấy tờ để chứng minh việc bà S có tham gia góp hụi do bà L làm chủ thảo. Bà L cũng không thừa nhận lời trình bày của bà S, ông P nên không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà S, ông P về vấn đề thừa nhận còn nợ hụi chết của bà L.

Bà S, ông P cho rằng dấu vân tay của bà S trong 02 giấy tay mượn tiền nói trên là giả mạo. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã thực hiện việc giám định dấu vân tay của bà Nguyễn Thị S trong 02 giấy mượn tiền nói trên. Kết luận giám định số 851/KL-KTHS ngày 20/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh đã kết luận:

Dấu vân tay trong “Giấy tay mượn nợ đề ngày 25.4. sao 2020 âm lịch”, nội dung: vợ chồng bà S, ông P có mượn của bà L số tiền 10 triệu đồng để mua mủ đất có dấu lặn tay của bà S và ông P (bà L cho rằng dấu lặn tay của ông Plà do bà S lặn thay, do lúc đó ông P không có mặt) là của bà Nguyễn Thị S.

Dấu vân tay trong “Giấy tay mượn nợ đề ngày 19.4. trước 2020 âm lịch”, nội dung: bà S có mượn của bà L số tiền 60 triệu đồng để mua mủ đất và mở quán ăn hủ tiếu, bún riêu tại nhà. Do đường vân mờ nhòe không thể hiện rõ đặc điểm chung, đặc điểm riêng nên không đủ yếu tố giám định.

Tại Kết luận giám định số 4964/C09B ngày 16/12/2021 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: 02 dấu vân tay của bà Nguyễn Thị S trong: “Giấy tay mượn tiền đề ngày 19.4. trước 2020 al” (nội dung: bà S mượn bà L số tiền 60 triệu đồng để mua mủ đất và mở quán ăn hủ tiếu, bún riêu tại nhà) **so với dấu vân tay của bà Nguyễn Thị S trong các mẫu so sánh là dấu vân tay của cùng một người.**

Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu vợ chồng bà S, ông P phải trả số tiền 70 triệu đồng thông qua

## 02 Giấy tay mượn tiền.

[3] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Bà L yêu cầu vợ chồng bà S, ông P cùng có trách nhiệm trả số nợ vay nói trên, lý do số tiền này bà S mượn để buôn bán, lo cho gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, ông P và bà S xác định vẫn còn có mối quan hệ vợ chồng. Do đó căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở buộc bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền vay 70 triệu đồng nói trên.

[4] Về yêu cầu tính lãi suất: Bà L yêu cầu tính tiền lãi số tiền 70 triệu đồng thông qua 02 giấy tay mượn nợ theo lãi suất quy định của pháp luật. Xét thấy 02 giấy tay mượn nợ bà L cung cấp không thỏa thuận tiền lãi. Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà L và bà S, ông P là hợp đồng vay không có lãi, có kỳ hạn. Bà S, ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay về kỳ hạn trả nợ theo thỏa thuận.

Căn cứ khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định “...*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác...*”. Bị đơn bà S, ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L yêu cầu tính tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đến ngày xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bà S, ông P có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, cụ thể:

Đối với Giấy tay mượn tiền đề Ngày 19/4/2020 âm lịch - tức ngày 11/5/2020 dương lịch đến ngày 11/3/2022 dương lịch (bà L đồng ý chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 11/3/2022 dương lịch) là:  $60.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 22 \text{ tháng} = 10.956.000 \text{ đồng}$ .

Đối với Giấy tay mượn tiền đề Ngày 25/4/2020 âm lịch – tức ngày 16/6/2020 dương lịch đến ngày 16/3/2022 dương lịch (bà L đồng ý chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 16/3/2022 dương lịch) là:  $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 1.743.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng tiền lãi là 12.699.000 đồng.

[5] Về chi phí giám định: Căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự bà S, ông P phải chịu chi phí giám định 1.020.000 đồng. Ghi nhận bà L đã nộp tạm ứng chi phí. Bà S, ông P có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền 1.020.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.135.000 **đồng** theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ các Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 470, của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 161, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 12, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị S và ông Vũ Văn P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.**

Buộc bà Nguyễn Thị S, ông Vũ Văn P phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 82.699.000 (tám mươi hai triệu S trăm chín mươi chín nghìn) đồng, trong đó: tiền vay gốc 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng và tiền lãi 12.699.000 (mười hai triệu S trăm chín mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị L cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị S, ông Vũ Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**2. Về chi phí giám định:** bà Nguyễn Thị S, ông Vũ Văn P phải chịu chi phí giám định 1.020.000 đồng. Ghi nhận bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng chi phí. Bà S, ông P có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà L số tiền 1.020.000 (một triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng.

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị S, ông Vũ Văn P phải chịu 4.135.000 đồng (**bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn**) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004945 ngày 25/2/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

**5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CC THADS huyện Tân Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

**(Đã ký)**

**Lê Cao Hùng**